

Bản án số: 33/2021/HSST
Ngày: 15-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trần H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Thị K
2. Ông Văn Phú H

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim T là Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng C - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Đoàn Tuấn V, sinh ngày 20-9-1996 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn T, sinh năm 1973 và bà Lý Thị L, sinh năm 1971; chưa có vợ con; tiền sự: không; tiền án: Bản án số 64/2018/HSST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong thời gian thử thách vào ngày 27/3/2020; bị bắt tạm giam ngày 13/11/2020. “Có mặt”

2. Vũ Đình C, sinh ngày 19-4-1993 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình N, sinh năm 1952 và

bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1955; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 2000, có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 31/01/2021. “Có mặt”

- *Bị hại*: Ông Lý Văn N, sinh năm 1968. Trú tại: Ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. “Có mặt”

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+ Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. “Có mặt”

+ Bà Lý Thị L, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. “Có mặt”

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. “Có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 27/8/2020 bị cáo V rủ bị cáo C đến căn nhà hoang tại Ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để đào trộm mai lấy tiền tiêu xài. Khi đi, C điều khiển xe mô tô hiệu Cup (không có biển số) chở V, còn V mang theo 01 cây cuốc và 01 xà beng. Khi đến nơi, thì cây mai mà V và C định trộm không còn nên V rủ C đến rẫy ông Lý Văn N ở Ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để đào trộm cây mai. Khoảng 00 giờ ngày 28/8/2020, V và C cùng đào cây mai vàng loại 5 cánh, 25 năm tuổi, đường kính gốc 40cm, cao 1,69m của ông N. Sau đó, C tự vào chòi ông N lấy thêm 02 cây rựa dài khoảng 1m, 02 cái cưa tay, 01 mỏ lết và 03 bịch phân bón lá loại 150 gam bỏ vào bao, V không biết. Sau đó, cả hai chở cây mai và dụng cụ đào mai về nhà C cất giấu. Khoảng 08 giờ 30 ngày 28/8/2020, V và C đem mai đến bán cho anh Đoàn Văn T ở Ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giá 3.000.000đ, Anh T trả trước 2.000.000đ, còn nợ lại 1.000.000đ, V chia cho C 500.000đ, còn lại tiêu xài hết. Anh T biết mai do V và C trộm cắp nên trình báo Công an xã H, huyện X, V ra tự thú, còn C bỏ trốn đến ngày 31/01/2021 thì bị bắt.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Đoàn Tuấn V và Vũ Đình C đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản.

Về kết luận định giá: Tại Bản kết luận định giá tài sản số 105/KL-HĐĐG ngày 17-9-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng- Ủy ban nhân dân huyện X kết luận:

- 01 cây mai vàng 5 cánh, 25 năm tuổi, đường kính cách gốc 40cm đo được là 58cm, cách thân cây 40cm thì phân nhánh, cao 1,95m trị giá 8.667.000 đồng.

- 03 bịch phân bón trị giá 362.334 đồng.

- 02 cái cửa trị giá 60.000 đồng

- 02 cái rựa trị giá 50.000 đồng

- 01 mỏ lết trị giá 35.000 đồng

Giá trị tài sản mà bị cáo V đã chiếm đoạt của ông N là 8.667.000 đồng; bị cáo C chiếm đoạt của ông N là 9.174.334đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Về bồi thường thiệt hại: Các bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Trong đó, bà L mẹ của bị cáo V đã bồi thường cho ông N số tiền 500.000đ do các bị cáo làm mất 02 cây rựa, 02 cái cửa nên bà L yêu cầu bị cáo C trả lại số tiền 500.000đ, bị cáo C đồng ý nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị công nhận sự thỏa thuận.

Về xử lý vật chứng:

- Cây mai vàng loại 5 cánh, 25 năm tuổi, đường kính gốc 40cm, cao 1,69m và 01 mỏ lết đã trả lại cho ông N; riêng 02 cây rựa, 02 cái cửa tay, xe mô tô hiệu Cup đã mất không thu hồi được.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu về xử lý vật chứng; Kiểm sát viên đề nghị không xem xét.

Tại Bản cáo trạng số 27/CT-VKS, ngày 10-3-2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố Đoàn Tuấn V và Vũ Đình C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến bị cáo V chiếm đoạt số tiền 8.667.000 đồng, bị cáo C chiếm đoạt số tiền 9.174.334 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đoàn Tuấn V và Vũ Đình C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo V từ 14 tháng đến 18 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo C từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bà L và bị cáo C về việc bị cáo C trả lại cho bà L số tiền 500.000đ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo Đoàn Tuấn V: Hành vi của bị cáo là sai, bị cáo hối hận, xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về gia đình chăm sóc con; bị cáo Vũ Đình C: Bị cáo ăn năn, hối cải, bị cáo còn mẹ già, các con còn nhỏ, xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về lo cho gia đình, vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và các bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo, xét thấy: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ và các chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ căn cứ kết luận: Khoảng 00 giờ ngày 28/8/2020, bị cáo V và C lén lút vào rẫy của ông N tại Ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đào lấy trộm 01 cây mai vàng loại 5 cánh trị giá 8.667.000đ. Đồng thời, bị cáo C tự ý lén lút vào chòi của ông N lấy thêm 03 bịch phân bón trị giá 362.334đ, 02 cái cửa trị giá 60.000đ, 02 cái rựa trị giá 50.000đ, 01 cái mỏ lết trị giá 35.000đ, bị cáo V không biết. Như vậy, xác định giá trị tài sản bị cáo V cùng bị cáo C chiếm đoạt là 8.667.000đ, ngoài ra bị cáo C còn tự ý chiếm đoạt thêm giá trị tài sản của ông N là 507.334đ. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015. Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét thấy, tính chất, mức độ và hành vi các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nên cần xử phạt các bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo để thấy sự khoan hồng của Nhà nước.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo V tự thú; bị cáo C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo V đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên thuộc trường hợp tái phạm quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự.

[6] Về đồng phạm và hình phạt: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm nhưng không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn; bị cáo V là người đề xuất, rủ rê, bị cáo đã từng bị kết án lại còn tiếp tục phạm tội do cố ý nên cần xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt cao hơn bị cáo C, đồng thời áp dụng hình phạt tù có thời hạn quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi gia đình và xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy các bị cáo không có việc làm, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với các bị cáo.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo V tự thú; bị cáo C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm đối với bị cáo V theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Về bồi thường thiệt hại:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bà L và bị cáo C về việc bị cáo C phải hoàn trả lại cho bà L số tiền 500.000đ.

[10] Về xử lý vật chứng:

- 01 cây mai vàng 5 cánh, 25 năm tuổi; 03 bạch phân bón; 01 cây mủ lết đã trả lại cho bị hại; 02 cái cưa, 02 cái rựa, 01 xe Cup đã mất không thu hồi được, nên không xem xét.

[11] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không xem xét vật chứng là có căn cứ, nên chấp nhận.

[12] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Đoàn Tuấn V và Vũ Đình C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h Điều 52, khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Tuấn V 14 (Mười bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/11/2020.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Vũ Đình C 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/01/2021.

Công nhận sự thỏa thuận như sau: Bị cáo Vũ Đình C có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Lý Thị L số tiền 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí: Các bị cáo Đoàn Tuấn V và Vũ Đình C mỗi người phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng); bị cáo Vũ Đình C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR- VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Công an tỉnh BR- VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện X;
- Công an huyện X;
- Bị cáo; bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Trần Hiên